

Bản án số: 42 /2020/HNGĐ-ST

Ngày: 28 -12- 2020

V/v: Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Bá Long

Ông Hoàng Văn Ninh

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Ngọc Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 28 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 293/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2020/QĐXX-ST ngày 02 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị C - sinh năm 1972

Địa chỉ: Xóm Đ, xã B, huyện Y, tỉnh Hòa Bình.

- *Bị đơn:* Anh Đào Huy T- sinh năm 1973

Địa chỉ: Xóm 1, xã N, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa, vắng mặt: Chị C (có đơn xin xét xử vắng mặt), anh T (vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 05 tháng 10 năm 2020, các văn bản tố tụng do Tòa án tiến hành và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Bùi Thị C trình bày: Chị và anh Đào Huy T kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, được UBND xã N, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 52/2014 ngày 23 tháng 10 năm 2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, kinh tế gia đình không công khai minh bạch từ đó dẫn đến hai bên không có sự tôn trọng lẫn nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 02/2019, mỗi người một nơi, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được. Chị đã cố gắng giữ gìn hạnh phúc gia đình nhưng đến nay

chị không chịu đựng được nữa, do mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con cái: Vợ chồng không có con chung. Chị C không có con riêng. Anh T có 02 con riêng với vợ đầu đều đã trưởng thành.

Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung.

Chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần con cái và tài sản.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T nhưng anh T không có mặt tại Tòa án để làm việc và cũng không có yêu cầu gì đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị C khởi kiện xin ly hôn anh T cư trú ở xã N, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn theo khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39 BLTTDS.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị C và anh T. Tại phiên họp công khai tài liệu chứng cứ và hòa giải, anh T vắng mặt do đó Tòa án không tiến hành hòa giải được. Chị C có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Anh T tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ Khoản 1 Điều 207, khoản 1 và 2 Điều 227, khoản 1 và 3 Điều 228 BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về hôn nhân: Chị C và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện được Ủy ban nhân dân xã N, huyện Triệu Sơn cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2014 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, kinh tế gia đình không công khai minh bạch, không tôn trọng nhau. Vợ chồng đã sống ly thân thời gian dài, mỗi người một nơi, không còn quan tâm đến nhau. Chị C xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T. Mặc dù anh T biết việc chị C xin ly hôn và đã nhận các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh không có nguyện vọng gì đề nghị Tòa án xem xét giải quyết. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX xử cho chị C được ly hôn anh T.

[3] Về con chung và tài sản chung: Chị C trình bày vợ chồng không có con chung, không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[4] Về án phí: Chị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 207, khoản 1 và 2 Điều 227, khoản 1 và 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273, 278, 280 BLTTDS; Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị C được ly hôn anh Đào Huy T.

2. Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

3. Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị C phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ tại biên lai số: AA/2018/0004191 ngày 05/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn. Chị C đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án. Thời hạn kháng nghị của Viện kiểm sát cùng cấp và cấp trên theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND T. Thanh Hóa;
- VKSND. Triệu Sơn;
- Chi cục THA. Triệu Sơn;
- UBND. xã Nông Trường;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thu